

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-ST

Ngày 09 - 7 - 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Cần Thị Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 574/2020/TLST-DS, ngày 02/12/2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST - DS, ngày 12 tháng 5 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST - DS, ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trước đây ông L, bà Th nhiều lần nhờ ông H, bà H vay giúp tiền và trả gốc, lãi đầy đủ. Ngày 01/4/2018 ông H, bà H vay giúp cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh Th, ông Nguyễn Văn L số tiền 245.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng và 08 chỉ vàng 9999; chỉ vay trong vài tháng sẽ trả đủ. Tuy nhiên sau đó ông H, bà H yêu cầu trả nợ thì ông L, bà Th không trả và tránh mặt. Đến giữa tháng 8/2019 ông H, bà H đến nhà yêu cầu trả nợ thì bà Th viết giấy hẹn vào ngày 27/7 Âm lịch (27/8/2019) sẽ trả. Đến hạn ông L, bà Th không trả mặc dù ông H, bà H nhiều lần yêu cầu trả nợ. Do đó ông H, bà H khởi kiện yêu cầu ông L, bà Th trả số tiền 245.000.000 đồng, 08 chỉ vàng 9999 tương ứng 5.000.000 đồng/chỉ là 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật đối

với khoản vay 245.000.000 đồng. Ông bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng, lãi 136.277.234 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Minh Th trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay tiền, vàng của ông H, bà H nhiều lần và chốt lại từ 01/4/2018 còn nợ 245.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 9999. Trong năm 2020 ông H, bà H đến nhà yêu cầu ký lại giấy nhận nợ, hẹn đến ngày 27/7/2020 sẽ trả nhưng do không có khả năng nên bị đơn chưa trả nợ. Quan điểm của bị đơn là đồng ý trả nợ cho nguyên đơn nhưng hiện tại chưa có khả năng trả. Về lãi suất, khi viết lại giấy hẹn trả nợ thì hai bên không thỏa thuận lãi suất nên bị đơn chỉ chấp nhận tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử và xin được nguyên đơn miễn lãi. Đối với số tiền đã chốt 245.000.000 đồng, mặc dù đã tính lãi vào gốc nhưng bị đơn không yêu cầu tính lại. Đối với yêu cầu trả 08 chỉ vàng 9999 với giá 5.000.000 đồng/chỉ thì bị đơn chấp nhận vì phù hợp với giá thị trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Minh Th phải trả số tiền nợ gốc còn 245.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 9999 x 5.000.000 đồng/ 01 chỉ; về lãi suất đề nghị áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS để giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 27/7/2020 âm lịch tức ngày 14/9/2020 (Ngày bắt đầu tính lãi là 15/9/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản vay 245.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng, lãi 136.277.234 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H khởi kiện bà Nguyễn Thị Minh Th và ông Nguyễn Văn L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn trú tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp Thộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Ông L, bà Th có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong biên bản ghi lời khai, do đó HĐXX xét xử vắng mặt ông L và bà Th là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H, lời trình bày của các đương sự, chứng cứ ông H, bà H cung cấp là giấy hẹn trả nợ do ông H, bà H cung cấp thể hiện: Ngày 01 tháng 4 năm 2018 bà Th, ông L còn nợ ông H, bà H số tiền 245.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 9999. Do không trả nợ nên sau đó (Không nhớ ngày, tháng, năm) ông H, bà H yêu cầu bà Th, ông L ký giấy nhận nợ và hẹn đến ngày 27/7 Âm lịch trả. Ông H là người viết giấy và bà Th viết thời gian trả nợ, ký tên. Khi lập giấy nhận nợ hai bên không thỏa Thuận lãi suất. Các chứng cứ vay nợ trước đó ông H, bà H đã hủy bỏ. Như vậy, việc ông H, bà H cho ông L, bà Th vay tiền, vàng là có thật, hợp đồng vay tài sản giữa ông H, bà H và ông L, bà Th là hợp đồng vay tiền có thời hạn và hợp pháp, đến hạn trả nợ ông L, bà Th không trả cho ông H, bà H là vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của BLDS

Khoản 1 Điều 351 của BLDS: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.*

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa Thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa Thuận hoặc pháp luật có quy định.*

Khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định: *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa Thuận khác.*

Ông L, bà Th trình bày số tiền 245.000.000 đồng theo giấy nhận nợ là có cộng tiền lãi vào nhưng không nhớ lãi bao nhiêu nên không yêu cầu tính lại. Đối với 08 chỉ vàng 9999 thì chỉ có 05 chỉ là nợ gốc và 02 chỉ là lãi nhưng ông, bà không có chứng cứ để chứng minh và không yêu cầu xem xét. Bị đơn chấp nhận trả 08 chỉ vàng 9999 với giá là 5.000.000 đồng/chỉ, 08 chỉ vàng 9999 tương ứng 40.000.000 đồng. Mặc dù giấy nhận nợ không có ông L ký nhưng ông L thừa nhận là khoản vay chung, chấp nhận trả nợ nên cần buộc ông L và bà Th cùng trả nợ. Tổng cộng ông L, bà Th chấp nhận trả cho ông H, bà H nợ gốc 285.000.000 (245.000.000 đồng và 40.000.000 đồng của 08 chỉ vàng 9999) là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3.] Về yêu cầu tính lãi với mức lãi suất quy định của pháp luật của nguyên đơn: Nguyên đơn trình bày cho vay tiền lãi suất 2%/tháng nhưng khi viết giấy nhận nợ thì không thỏa Thuận lãi suất nên tại phiên tòa ông bà chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày quá hạn trả nợ đến ngày xét xử. Bà Th, ông L trình bày khi viết lại giấy thì không thỏa Thuận gì về lãi và xin được nguyên đơn miễn lãi vì hiện tại hoàn cảnh thật sự khó khăn nhưng không

được nguyên đơn chấp nhận miễn lãi. Về thời gian viết giấy nhận nợ: Giấy nhận nợ không ghi ngày tháng năm, chỉ thể hiện khoản vay từ ngày 01/4/2018 và ngày trả nợ 27/7 (Âm lịch). Ông H, bà H trình bày viết vào giữa tháng 8/2019 và hẹn ngày trả nợ là 27/7/2019 (Âm lịch), tức là ngày 27/8/2019. Bà Th, ông L khai ngày tháng viết giấy không nhớ nhưng năm 2020, hẹn ngày trả nợ là ngày 27/7/2020 (Âm lịch), tức là ngày 14/9/2020. Do nguyên đơn không chứng minh được năm viết giấy nên cần chấp nhận trình bày của bị đơn là ngày trả nợ là 14/9/2020, đó đó HĐXX xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Đến ngày trả nợ, ông L, bà Th không thực hiện nên ông H, bà H có quyền yêu cầu ông L, bà Th phải trả tiền lãi đối với số tiền đã vay kể từ ngày tiếp theo ngày vi phạm theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa Thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa Thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa Thuận. Trường hợp các bên có thỏa Thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa Thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có L quan quy định khác... ”

2. Trường hợp các bên có thỏa Thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 nêu trên tại thời điểm trả nợ.

Như vậy, lãi từ ngày 15/9/2020 đến ngày xét xử (09/7/2021) với mức lãi suất 50% của lãi suất cho vay là 245.000.000 đồng x 10 tháng (Làm tròn tháng và được nguyên đơn chấp nhận) x 1.66%/tháng x 50% = 20.335.000 đồng.

Tổng cộng số tiền cần buộc ông L, bà Th trả cho ông H, bà H là 285.000.000 đồng + 20.335.000 đồng = 305.335.000 đồng.

Ông L, bà Th nợ 08 chỉ vàng 9999 (Đơn khởi kiện ghi vàng 999) tương ứng 40.000.000 đồng, nhưng ông H, bà H khởi kiện buộc trả số tiền quy đổi từ vàng 45.000.000 đồng là nhầm lẫn nên ông bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc. Về yêu cầu tính lãi, do không hiểu biết nên ông bà đã yêu cầu tính lãi từ ngày nợ 12/01/2018 đến nay với mức lãi suất 20%/năm, tiền lãi trên nợ lãi quá hạn 10%/năm, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn 150% của mức lãi 20%/năm với số tiền 156.612.234 đồng. Tại phiên tòa, ông H, bà H chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Xét việc rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng, lãi 136.277.234 đồng của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 303.375.000 đồng x 5% = 15.266.800 đ (*Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông L, bà Th phải nộp toàn bộ số tiền án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Ông H, bà H là người già, Thộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Minh Th phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H số tiền 305.335.000 đồng, trong đó nợ gốc 285.000.000 đồng; nợ lãi 20.335.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 141.277.234 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 136.277.234 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Minh Th phải chịu 15.266.800 đ (*Mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkSong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Trúc Linh